

Bản án số: 86/2020/HS- ST

Ngày 24-12-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị O*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Th

Bà Giáp Thị H

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên .

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2020/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2020/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

\* Họ và tên: Trần Văn T, sinh năm 1991

Tên gọi khác: không; nơi ĐKKH và chỗ ở: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn S và bà: Nguyễn Thị Đ; vợ: Nguyễn Thị H ( đã ly hôn); con: có 01 con sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án số 48/2011/HSST ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B, xử phạt Trần Văn T 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 08 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt buộc phải chấp hành chung cho hai tội là 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/4/2011. Bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Tiến L 1.200.000đồng; anh Trần Văn Tr số tiền 2.000.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/8/2012, chấp hành xong án phí ngày 18/7/2012; Anh Tr, anh L không có đơn yêu cầu thi hành án nên đã hết thời hiệu thi hành án dân sự.

Bị cáo bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/8/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa)

\* Bị hại:

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 (có mặt)

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Chị Phạm Thị H do anh Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền

Đều cư trú: thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh B.

\* Người làm chứng:

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1968 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969 (có mặt)

Đều cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn H, xã Ph, huyện T, tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B là đối tượng nghiện ma túy không có việc làm ổn định. Do không có tiền ăn tiêu T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 19/8/2020, T đi bộ từ nhà vào địa bàn xã Ph, huyện T mục đích xem nhà ai sơ hở đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. Khi đi T mang theo một chiếc mỏ lết và một chiếc tô vít. Khoảng 01 giờ 20 phút cùng ngày, T đi đến khu vực thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh B, T thấy cửa hàng mua bán điện thoại di động Duy L của gia đình anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990, trú tại thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh B ở mặt đường nhựa, T đi qua cánh đồng đến cửa phụ phía sau nhà anh L, thấy cửa sắt đóng kín, T đã sử dụng chiếc tô vít vặn các ốc vít miếng tôn ốp trên thành khung cửa sắt rồi dùng hai tay cạy miếng tôn và bẻ gập miếng tôn ra ngoài tạo khoảng trống hình tam giác vuông có kích thước (26 x 21)cm. Sau đó T cầm chiếc mỏ lết đưa qua ô trống hình tam giác và dùng hai mũi mỏ lết kẹp chặt vào phần tai khóa bên trong rồi cứ thế T bẻ mạnh liên tục thì tai khóa cửa bị gãy. T cầm chiếc khóa cửa nhãn hiệu Việt Tiệp rút ra ngoài cánh đồng và kéo chốt ngang bên trong ra mở cửa vào trong nhà. T đi đến chỗ chiếc quầy bán hàng của gia đình anh L tại tầng 1 lục soát các tài sản. T lục từng ngăn tủ và lấy được 03 chiếc điện thoại di động cũ, 01 giá nhựa màu xanh đựng tiền; 01 khay nhựa màu trắng đựng nhiều thẻ điện thoại và Viettel, Mobiphone, Vinaphone Vietnamobile chưa sử dụng, sau đó T cầm giá nhựa, khay nhựa và điện thoại để ở gần cửa phụ. T tiếp tục quay vào lục soát tài sản thì phát hiện trong nhà anh L có nắp Camera an ninh giám sát, sợ bị phát hiện nên T lấy một chiếc áo mưa của gia đình anh L treo ở tường cạnh cửa phụ chụp vào đầu T để che mặt, T đến khu vực tủ nhôm kính trưng bày các loại điện thoại được gắn sát bờ tường phía bên phải theo hướng cửa phụ đi vào thì thấy khóa tủ vẫn cầm chìa khóa, T mở cửa tủ kính lấy 10 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và nhãn hiệu Samsung rồi đi ra cửa sau

đề vào giá nhựa màu xanh rồi T treo chiếc áo mưa lại vị trí cũ. T cầm giá nhựa, khay nhựa và các số tài sản trộm cắp được đi qua cửa sau ra ngoài. Khi T đến khu vực cổng thoát nước sau cánh đồng thôn Q, xã Ph cách nhà anh L khoảng 20 mét, T dừng lại lấy toàn bộ số tiền 3.820.000 đồng ở giá nhựa cất vào ví rồi đút vào túi quần, rồi lấy 02 thẻ điện thoại của mạng Vinaphone có mệnh giá 20.000 đồng ở khay nhựa ra cào hai thẻ nạp tiền vào số thuê bao 0886.550.596 của T. Sau khi nạp tiền xong, T gọi điện thoại vào số điện thoại 0978.818.583 cho Hoàng Văn H, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố T, thị trấn C (thường gọi là H Bép) mục đích bảo H đến đón T nhưng không thấy H nghe máy. Sau đó, T lấy 41 chiếc thẻ điện thoại ở khay nhựa đút vào túi quần, sau đó T cởi chiếc áo dài đang mặc ra lấy 10 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone; 02 chiếc điện thoại sam sung và 01 chiếc điện thoại oppo đặt vào chiếc áo rồi bọc lại, còn 02 chiếc thẻ điện thoại đã cào, 01 chiếc tô vít, 01 chiếc mỏ lết, 01 giá nhựa và 01 khay nhựa T vứt lại. Sau đó T ôm chiếc áo đựng điện thoại đi bộ về đến Trạm y tế thị trấn C, huyện T cũ đã bỏ hoang để cất giấu điện thoại và thẻ điện thoại vào khu vực nhà vệ sinh của Trạm y tế. Sau khi cất giấu điện thoại và thẻ điện thoại xong T đi bộ theo Quốc lộ 17 đến khu vực xã L, huyện T, tỉnh B thì T dừng lại trước cửa một nhà dân, tại đây T gặp một người đàn ông tên là L khoảng từ 30 đến 35 tuổi (T không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể của người đàn ông này), T hỏi mua ma túy của người đàn ông, người đàn ông này bán cho T 01 đoạn ống hút bằng nhựa bên trong đựng ma túy với giá 300.000đồng. Sau khi mua được ma túy, T đi bộ về Trạm y tế và một mình sử dụng hết số ma túy đã mua. Đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày thì T đem hết số tài sản trộm cắp về nhà, T lấy 10 chiếc điện thoại di động đút vào trong chiếc vỏ gối màu xanh nhạt có chữ EVEPON rồi dùng chiếc quần ngố màu nâu quần lại cất vào trong hòm tôn đựng thóc của gia đình ở gian bếp, còn lại 03 chiếc điện thoại gồm 02 chiếc điện thoại Samsung và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo cùng số tiền 3.520.000 đồng và 41 chiếc thẻ điện thoại T cất giấu trong túi áo và túi quần T mặc mục đích để sử dụng và tìm chỗ bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Sau khi bị mất tài sản, ngày 20/8/2020, anh Nguyễn Văn L làm đơn trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, đồng thời anh L cung cấp cho Cơ quan điều tra hình ảnh Camera giám sát an ninh đã ghi lại hình ảnh một người nam thanh niên đột nhập vào nhà anh L trộm cắp tài sản. Bằng biện pháp nghiệp vụ điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập Trần Văn T đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của gia đình anh L ngày 19/8/2020.

Ngày 20/08/2020, Cơ quan điều tra ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Văn T. Trong quá trình bắt giữ Cơ quan điều tra thu giữ của T gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20, màu đen, bị vỡ màn hình;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5, có số IMEI: 3550791811723502/9;

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A37, có số IMEI 1: 866978039848593; IMEI 2: 866978039848585;

- 01 (một) chiếc ví da màu đen, bên trong có số tiền 3.520.000 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng);

- 10 (mười) chiếc thẻ nạp điện thoại mạng Vinaphone, có mệnh giá thẻ 20.000đồng đồng, thẻ còn nguyên lớp tráng bạc giấu mã số;

- 04 (bốn) chiếc thẻ nạp điện thoại mạng MobilePhone, có mệnh giá 20.000đồng, thẻ chưa được cào, còn nguyên lớp tráng bạc giấu mã số;

- 04 (bốn) chiếc thẻ nạp điện thoại mạng Viettel, có mệnh giá 20.000đồng, thẻ chưa được cào, còn nguyên lớp tráng bạc giấu mã số;

- 02 (hai) chiếc thẻ nạp điện thoại MobilePhone, 10 (mười) chiếc thẻ nạp điện thoại mạng Viettel, đều có mệnh giá 50.000đồng, 09 (chín) chiếc thẻ nạp điện thoại Việt Nam Mobile, 01 (một) chiếc thẻ nạp điện thoại Vina Phone, tất cả đều có mệnh giá 50.000đồng, 01 (một) chiếc thẻ nạp điện thoại mạng MobilePhone, mệnh giá 100.000đồng. Tất cả các thẻ chưa được cào, còn nguyên lớp tráng bạc giấu mã số; 01 (một) sim điện thoại mạng Vinaphone, số 0886550596.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành khám nghiệm hiện trường, quá trình khám nghiệm thu giữ trong ngăn kéo quầy bán hàng 01 (một) tờ giấy A4, 06 (sáu) miếng kính màn hình điện thoại di động; 01(một) mỗ lết có chiều dài 30cm một mặt có chữ FORGED STEEL, một mặt có chữ 12 - 300 mm; 01 (một) chiếc tô vít có tay cầm màu đỏ và màu đen có tổng chiều dài 14 cm.

Thu tại cổng thoát nước cách nhà anh Nguyễn Văn L 40m; 01 (một) khay nhựa có kích thước (330 x23,0)m, trên khay có chữ TIAYOUDI; 01 (một) giá nhựa màu xanh có kích thước (34,8 x 26,0 x10) cm; 02 (hai) chiếc thẻ nạp điện thoại mạng Vinaphone mệnh giá 20.000đồng một thẻ, có số Sêri 51500283836952 và một thẻ có số Sêri 51500283836956, đã bị cào lớp vỏ bạc.

Ngày 21/8/2020, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn T, kết quả khám xét thu giữ tại hòm đựng thóc trong bếp nhà T 01 chiếc quần ngố màu nâu cuộn lại, bên trong có một vỏ gối màu xanh nhạt có chữ EVEPON, bên trong vỏ gối có 10 (mười) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone cụ thể gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng, mặt sau có dán tem màu trắng, trên tem có chữ XSMAX64G, phía dưới có số mã vạch 66699912800, có ghi giá 13.990.000 VNĐ;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, mặt sau có dán tem màu trắng, trên tem có chữ XS MAX 64G, phía dưới có số mã vạch 66699912800, có ghi giá 13.800.000 VNĐ;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, mặt sau có dán tem màu trắng, trên tem có chữ XS MAX 64G, phía dưới có số mã vạch 66699910500, có ghi giá 12.490.000 VNĐ;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, mặt sau có dán tem, có chữ G/HQT-82@, có số IMEI: 356740083033200;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đen, mặt sau có dán tem màu trắng, trên tem có ghi 8 Plus 64G và số mã vạch 6669997600, có ghi giá 8.299.000 VNĐ, có số IMEI: 354833094484967;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu trắng, mặt sau có dán tem màu trắng, trên tem có ghi XR64G 99%”, số mã vạch 6669993140, giá cũ bị gạch, giá mới 9.990.000 VNĐ, có số IMEI: 353065100592837;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu trắng, mặt sau có dán tem màu trắng, trên tem có ghi 8Plus64G, số mã vạch 6669997600, có ghi giá 8.299.000 VNĐ, có số IMEI: 352976091832423;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng 7 plus, mặt sau có dán tem màu hồng, có số 355376088736397, kiểm tra số IMEI của máy trùng với số dán trên tem;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu vàng, mặt sau có dán tem màu đỏ, trên tem có chữ nước ngoài, có số IMEI: 356696082856787;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng, mặt sau có dán tem, trên tem có chữ TL Mobile, máy có số IMEI: 353280073512858.

- Thu giữ 01 chiếc quần ngố màu nâu; 01 (một) vỏ gối màu xanh nhạt, có chữ EVEPON.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự 59/KL-ĐGTS ngày 25/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR màu trắng có giá: 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng chẵn).

- 03 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR-Max, màu lần lượt: đen, trắng, vàng có giá 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng).

- 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen và trắng có giá 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng chẵn).

- 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus có giá: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng chẵn).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng có giá: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng có giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung M20, màu đen có giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung J5, Prime, màu vàng có giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu vàng có giá: 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

- 01 khay nhựa, màu trắng có kích thước (33x23)cm, có ký hiệu JIAYOUDI có giá 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng chẵn).

- 01 giá nhựa màu xanh có kích thước (34,8x26x10)cm có giá 5.000 đồng (Năm nghìn đồng chẵn).

Tổng trị giá: 90.925.000 đồng (Chín mươi triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra tiến hành cho bị cáo Trần Văn T thực nghiệm điều tra. Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của Trần Văn T.

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/8/2020. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị hại anh Nguyễn Văn L trình bày: sáng ngày 20/8/2020, gia đình anh phát hiện cửa phía sau nhà bị phá khóa và đã bị T trộm cắp 13 chiếc điện thoại các loại, 43 thẻ nạp và số tiền 3.820.000 đồng. Đến nay gia đình anh đã nhận lại 13 chiếc điện thoại do bị cáo T trộm cắp, 41 thẻ nạp điện thoại và số tiền 3.520.000 đồng và một số tài sản khác. Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo T đã mua ma túy và 02 thẻ nạp có giá trị là 40.000 đồng bị cáo đã nạp vào sim của bị cáo đến nay anh

không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ trình bày: bà là mẹ của bị cáo T. Bị cáo T trộm cắp tài sản của gia đình anh L về cất giấu tại hòm thóc của gia đình bà không biết. Đến khi cơ quan điều tra đem khám xét và thu giữ 10 chiếc điện các loại tại hòm thóc của gia đình bà thì bà mới biết đó là tài sản do T trộm cắp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại chị H vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh L. Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 19/8/2020, tại gia đình anh Nguyễn Văn L, sinh 1990, trú tại thôn Q, xã Ph, huyện T, tỉnh B. Trần Văn T, sinh năm 1991 ở tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B đã có hành vi trộm cắp 10 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có tổng giá trị 90.900.000đồng; 01 khay nhựa trị giá 20.000 đồng; 01 giá nhựa có giá trị 5.000 đồng và 43 chiếc thẻ điện thoại Viettel, Mobiphone, Vinaphone và Vietnamobile trị giá 1.600.000 đồng và số tiền 3.820.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 96.345.000 (Chín mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn) của gia đình anh Nguyễn Văn L.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của gia đình anh L trị giá 96.345.000 đồng, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, bản

cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có nhân thân không tốt đã bị Tòa án kết tội bằng bản án.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa bị hại anh L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó phải áp dụng hình phạt tù tương xứng nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo thuộc hộ cận nghèo, không có thu nhập, tài sản gì, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Về hành vi mua ma túy sử dụng của T, quá trình điều tra T khai mua ma túy về sử dụng, tuy nhiên ngoài lời khai của T ra thì không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc T mua ma túy về sử dụng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý hành chính đối với T về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

[6] Đối với người đàn ông bán ma túy cho T, T chỉ biết tên là L, T không biết họ, tên đệm và địa chỉ của người đàn ông này, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại địa bàn xã L nhưng do không có đầy đủ thông tin nên không xác định được người đàn ông này là ai, ở đâu. Ngày 15/11/2020, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến người đàn ông tên L ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh, khi nào có căn cứ xem xét xử lý sau.

[7] Đối với Hoàng Văn H là người T gọi điện mục đích để nhờ H đi đón nhưng H không nghe máy, bản thân H và T đều khẳng định trước và sau khi đi trộm cắp T không nói cho H biết việc T đi trộm cắp tài sản nên H không vi phạm pháp luật.



[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh L số tiền 3.520.000 đồng; 01 khay nhựa, 01 giá nhựa, 41 chiếc thẻ cào điện thoại của các nhà mạng; 13 chiếc điện thoại di động các loại và một số tài sản khác, đến nay anh L không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) mảnh sắt có chiều dài 30cm một mặt có chữ FORGED STEEL, một mặt có chữ 12- 300mm; 01 (một) tô vít có tay cầm màu đỏ và màu đen có tổng chiều dài 14cm là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 02 thẻ nạp điện thoại Vinaphon mệnh giá 20.000 đồng một thẻ có số Sereerri 51500283836952 và một thẻ có số Seerri 51500283836956 đã bị cào lớp bỏ bạc không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 ví da màu đen đã qua sử dụng; 01 quần ngố màu nâu đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại mạng Vinaphon số 0886550596; 01 vỏ gối màu xanh nhạt có chữ EVEPON là tài sản của bị cáo T. Tuy nhiên bị cáo không đề nghị được xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 42 ( bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/8/2020.

Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T.

2. Về vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mảnh sắt có chiều dài 30cm một mặt có chữ FORGED STEEL, một mặt có chữ 12- 300mm; 01 (một) tô vít có tay cầm màu đỏ và màu đen có tổng chiều dài 14cm; 01 ví da màu đen đã qua sử dụng; 01 quần ngố màu nâu đã qua sử dụng; 01 sim điện thoại mạng Vinaphon số 0886550596 ; 02 thẻ nạp điện thoại Vinaphon mệnh giá 20.000 đồng một thẻ có số Sereerri 51500283836952 và một thẻ có số Seerri 51500283836956 đã bị cào lớp bỏ bạc; 01 vỏ gối màu xanh nhạt có chữ EVEPON.

3. Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị O**